

THÔNG BÁO
**Công khai số liệu thực hiện dự toán
ngân sách địa phương Quý III năm 2021**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách,

Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam thông báo công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý III năm 2021, cụ thể như sau:

1. Cân đối ngân sách địa phương quý III năm 2021 (chi tiết theo biểu số 59/CK-NSNN).
2. Thực hiện thu ngân sách nhà nước quý III năm 2021 (chi tiết theo biểu số 60/CK-NSNN).
3. Ước thực hiện chi ngân sách địa phương quý III năm 2021 (chi tiết theo biểu số 61/CK-NSNN).

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/cáo);
- Các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: LĐVP, TH (A);
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, KT.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Anh Chúc

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ III NĂM 2021

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND tỉnh Hà Nam)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	THỰC HIỆN QUÝ III NĂM 2020	DỰ TOÁN HĐND TỈNH GIAO NĂM 2021	THỰC HIỆN QUÝ III NĂM 2021	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
					DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	6,658,940	9,615,121	15,928,034	166	239
I	Thu cân đối NSNN	7,282,866	9,615,121	9,861,155	103	135
1	Thu nội địa	6,042,488	7,795,121	8,756,375	112	145
2	Thu cân đối từ hoạt động XNK	1,240,378	1,820,000	1,104,780	61	89
3	Thu viện trợ					
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	5,414,270	-	6,066,879		112
B	TỔNG CHI NSDP	6,502,809	9,621,232	7,628,646	79	117
I	Chi cân đối NSDP	5,657,064	7,562,038	6,796,000	90	120
1	Chi đầu tư phát triển	1,274,700	1,496,611	2,373,500	159	186
2	Chi thường xuyên	4,244,588	5,789,539	4,294,000	74	101
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1,776	10,500	3,500		
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1,000	1,000	1,000	100	100
5	Dự phòng ngân sách	135,000	164,388	124,000	75	
6	Chi từ nguồn tăng thu	-	100,000	-	-	
II	Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương		1,025,055	-		
III	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	845,745	1,034,139	832,646	81	98
C	BỘI CHI NSDP	97,659	171,900	85,900	50	88
D	CHI TRẢ NỢ GỐC	17,500	9,538	5,000	52	29

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ III NĂM 2021

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND tỉnh Hà Nam)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	THỰC HIỆN QUÝ III NĂM 2020	DỰ TOÁN HĐND TỈNH GIAO NĂM 2021	THỰC HIỆN QUÝ III NĂM 2021	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
					DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	7,282,866	9,615,121	9,861,155	103	135
I	Thu nội địa	6,042,488	7,795,121	8,756,375	112	145
1	Thu từ khu vực DNNN	524,986	796,000	545,132	68	104
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1,796,794	2,642,000	3,134,107	119	174
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	994,154	1,560,000	1,279,712	82	129
4	Thuế thu nhập cá nhân	445,706	550,000	484,520	88	109
5	Thuế bảo vệ môi trường	327,919	520,000	258,340	50	79
6	Lệ phí trước bạ	150,354	235,000	176,693	75	118
7	Các loại phí, lệ phí	192,062	282,800	255,430	90	133
8	Các khoản thu về nhà, đất	1,348,922	906,000	2,258,046	249	167
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>	496	-	479		
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	9,828	11,000	11,645	106	118
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	1,249,568	800,000	2,113,298	264	169
-	<i>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	89,030	95,000	132,624	140	149
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	104,355	163,000	181,129	111	174
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	13,293	17,000	31,706	187	239
12	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	17,471	25,000	17,240	69	99
13	Thu khác ngân sách	126,472	98,321	134,320	137	106
	<i>Trong đó: Thu tiền BV&PT đất trồng lúa</i>	37,583		54,200		144
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	1,240,378	1,820,000	1,104,780	61	89
IV	Thu viện trợ					
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	5,765,704	7,373,721	8,510,940	115	148
1	Từ các khoản thu phân chia	3,573,814	5,382,045	5,057,856	94	142
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	2,191,890	1,991,676	3,453,084	173	158

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ III NĂM 2021

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND tỉnh Hà Nam)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	THỰC HIỆN QUÝ III NĂM 2020	DỰ TOÁN HĐND TỈNH GIAO NĂM 2021	THỰC HIỆN QUÝ III NĂM 2021	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
					DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
	TỔNG CHI NSDP	6,502,809	9,621,232	7,628,646	79	117
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	5,657,064	8,587,093	6,796,000	79	120
I	Chi đầu tư phát triển	1,274,700	1,496,611	2,373,500	159	186
II	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương		1,025,055	-		
III	Chi thường xuyên	4,244,588	5,789,539	4,294,000	74	101
	Trong đó:					
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1,564,142	2,255,478	1,650,000	73	105
2	Chi khoa học và công nghệ	27,614	30,958	23,000	74	83
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	388,895	332,078	260,000	78	67
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	72,411	95,717	68,000	71	94
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	30,865	59,386	44,500	75	144
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	13,664	18,388	13,500	73	99
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	78,946	131,021	98,000	75	124
8	Chi sự nghiệp kinh tế	764,941	1,233,311	925,000	75	121
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	812,570	1,006,797	750,000	74	92
10	Chi bảo đảm xã hội	330,714	370,669	280,000	76	85
IV	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1,776	10,500	3,500	33	197
V	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1,000	1,000	1,000	100	100
VI	Dự phòng ngân sách	135,000	164,388	124,000	75	92
VII	Chi từ nguồn tăng thu		100,000		-	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	845,745	1,034,139	832,646	81	98